TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/DS-PT
Ngày: 29-5-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng Dân sự vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Phạm Minh T, sinh năm: 1974, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1969; cư trú tại thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Lâm H1, sinh năm: 1976; địa chỉ: số G, đường T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2840, quyển số 05/2025 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 28/5/2025), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Nguyễn Chí T1, sinh năm: 1982, bà Đinh Thị Vân A, sinh năm: 1986; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/3/2024, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H thì:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 28/01/2021 vợ chồng ông, bà có cho ông Nguyễn Văn M vay số tiền là 900.000.000đ. Ông M có viết hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông, bà; mục đích vay tiền là để ông M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; dù hợp đồng không ghi rõ về mức lãi suất nhưng vợ chồng ông, bà và ông M thỏa thuận bằng lời nói sẽ thanh toán tiền lãi với mức lãi suất là 3%/tháng; khi hết thời hạn 03 tháng, ông M phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông, bà số tiền đã vay.

Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán ông M lấy lý do khó khăn để xin khất nợ vợ chồng ông, bà thêm một thời gian nên vợ chồng ông, bà đồng ý. Sau đó, do thời gian quá lâu mà ông M vẫn chưa có thiện chí trả tiền cho vợ chồng ông, bà nên đến ngày 09/8/2023 ông M có viết phía sau của hợp đồng vay tiền hẹn đến ngày 15/8/2023 sẽ trả cho vợ chồng ông, bà trước 500.000.000đ, còn 400.000.000đ hẹn đến tháng 02/2024 (âm lịch) sẽ trả nốt cho vợ chồng ông, bà. Tuy nhiên, khi đến ngày 15/8/2023 ông M cũng không trả nợ cho vợ chồng ông, bà số tiền vừa nêu mặc dù đã rất nhiều lần vợ chồng ông, bà chủ động liên hệ để yêu cầu ông M thanh toán. Nay vợ chồng ông, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M phải trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền nợ gốc là 900.000.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày vay tiền đến ngày giải quyết xong vụ án tính tròn là 48 tháng thành tiền là 717.120.000đ; vợ chồng ông, bà đồng ý cấn trừ số tiền lãi ông M đã trả cho vợ chồng ông, bà là 453.000.000đ, còn lại buộc ông M phải tiếp tục trả tiền lãi cho vợ chồng ông, bà số tiền lãi là 264.120.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của ông M thì vợ chồng ông, bà có ý kiến như sau: ông M trả chuyển khoản cho ông, bà từ ngày 15/5/2021 đến ngày 19/8/2023 vào tài khoản của ông Phạm Minh T, với tổng số tiền là: 2.331.000.000đ là trả vào các khoản cụ thể như sau: trả khoản vay 170.000.000đ vay ngày 01/11/2021, trả thành 04 lần vào ngày 09/11/2021 trả 25.000.000đ, ngày 15/11/2021 trả 45.000.000đ, ngày 27/11/2021 trả 50.000.000đ và ngày 29/11/2021 trả 50.000.000đ; trả khoản vay 250.000.000đ vay tháng 02/2022, trả thành 03 lần vào các ngày: ngày 02/3/2022 trả 30.000.000đ, ngày 11/3/2022 trả 100.000.000đ, ngày 24/3/2022 trả

120.000.000đ; trả hộ khoản vay 700.000.000đ của ông Nguyễn Chí T1, bà Đinh Thị Vân A (ông M vay ngày 20/7/2022); trả khoản vay 200.000.000đ ngày 17/8/2022 khi ông M ở ngoài B gọi điện thoại hỏi vay của vợ chồng ông, bà để lo ma chay (còn tin nhắn Z màn hình), trả khoản vay này vào ngày 10/10/2022 cùng với số tiền lãi là 39.000.000đ của tiền lãi của khoản vay 900.000.000đ vay ngày 28/01/2021 và 200.000.000đ vay ngày 17/8/2022, tổng cộng ông M chuyển khoản là 239.000.000đ. Ngoài ra ông M trả các khoản tiền lãi của các khoản vay: tiền lãi của 900.000.000đ, tính từ ngày 15/5/2021 đến ngày 19/8/2023 là 15 lần trả tiền lãi theo mức lãi suất là 3%/tháng gồm những lần chuyển khoản vào các ngày: ngày 15/5/2021 là 26.000.000đ, ngày 28/6/2021 là 27.000.000đ, ngày 28/7/2021 là 27.000.000đ, ngày 01/9/2022 là 27.000.000đ, ngày 25/12/2021 là 27.000.000đ, ngày 03/6/2022 là 27.000.000đ, ngày 08/8/2022 là 27.000.000đ, ngày 18/8/2022 là 27.000.000đ, ngày 06/9/2022 là 30.000.000đ, ngày 10/10/2022 là 27.000.000đ, ngày 23/11/2022 là 27.000.000đ, ngày 12/01/2023 là 27.000.000đ, ngày 24/5/2023 là 27.000.000đ, ngày 07/8/2023 là 20.000.000đ và ngày 19/8/2023 là 80.000.000đ. Tổng cộng là 453.000.000đ; các lần chuyển khoản khác là do ông M trả tiền lãi cho khoản vay của khoản tiền gốc 1.300.000.000đ vay ngày 04/01/2020, trả tiền lãi cho khoản vay của khoản tiền gốc 500.000.000đ vay ngày 10/10/2020, cả hai khoản này ông M đã trả vào khoảng tháng 7/2022 với mức lãi suất là 3%/tháng. Do vậy, vợ chồng ông, bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Theo ý kiến của ông Lưu Huỳnh H2, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M tại giai đoạn sơ thẩm, thì: Do quen biết nhau từ lâu, nên các năm 2019 và 2020 ông Nguyễn Văn M đã có 02 lần vay tiền của ông Phạm Minh T cùng vợ là bà Nguyễn Thị H và đã trả vốn cùng lãi, nội dung này đã được xác nhận đã thanh toán tại "Giấy vay tiền" do vợ chồng ông T, bà H giữ. Đến tháng 01/2021, do thiếu vốn làm ăn nên ngày 28/10/2021 ông M đã vay vợ chồng ông T, bà H số tiền 900.000.000đ. Vốn là người cho vay lấy lãi nên vợ chồng ông T, bà H và ông M cùng làm giấy vay tiền, ghi cụ thể thông tin cá nhân của hai bên và số tiền vay là 900.000.000đ; không ghi rõ ngày trả, hình thức trả nhưng vợ chồng ông T, bà H yêu cầu ông M trả tiền lãi tính theo ngày, mỗi ngày là 0,3% trên tổng số tiền vay, tức là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Cho đến hết năm 2021, ông M trả vẫn chưa hết tiền vay nên vợ chồng ông T, bà H đã đồng ý cho ông M tiếp tục trả gốc và lãi tiếp cho đến khi trả hết gốc. Do ông M bận nhiều công việc, lại không có sở sách ghi các lần chuyển tiền nên không nhớ đã chuyển cho ông T bao nhiêu lần bằng bao nhiêu tiền. Do đó, mỗi khi vợ chồng ông T, bà H thông báo thì ông M lại chuyển tiền theo yêu cầu. Sau đó, ông M trả lãi trực tiếp bằng tiền mặt cho cho bà H tiền lãi của các tháng 02, 3, 4/2021 với tổng số tiền là 210.000.000đ (vì ông M chưa biết sử dụng Internet Banking). Đến tháng 5/2021 ông M đã biết sử dụng Internet B1 và kể từ đó ông M trả tiền lãi cho ông T qua tài khoản của ông T tại Ngân hàng Q; số tài khoản là 1020167897777. Từ ngày 15/5/2021 đến ngày

19/8/2023 ông M đã chuyển tiền trả vào tài khoản của ông Phạm Minh T với tổng số tiền là 2.568.000.000đ bao gồm 41 lần chuyển khoản và giao cho vợ chồng ông T, bà H 210.000.000đ tiền mặt. Toàn bộ số tiền này, ông M xác định trả vào khoản tiền lãi của số tiền 900.000.000đ vay ngày 28/01/2021 với mức lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Còn số tiền gốc là 900.000.000đ thì đến nay ông M xác định chưa trả cho nguyên đơn. Qua yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà H thì ông M xác định do đã trả tiền lãi quá cao so với quy định của pháp luật nên không đồng ý trả cho ông T, bà H số tiền gốc còn nợ là 900.000.000đ. Đồng thời, ông M có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả lại cho ông M số tiền lãi đã trả dư là 1.170.000.000đ; ông M giữ nguyên yêu cầu xin rút một phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho ông M số tiền lãi là 366.778.000đ.

- Ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Ngọc T2, người đại diện đại theo ủy quyền của ông M tại giai đoạn sơ thẩm thống nhất với lời trình bày của ông Lưu Huỳnh H2, không trình bày bổ sung gì thêm.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Chí T1, bà Đinh Thị Vân A thì: Ngày 20/7/2022 bà Nguyễn Thị H có đưa ông Nguyễn Văn M đến nhà vợ chồng ông, bà hỏi vay số tiền là 700.000.000đ thì vợ chồng ông, bà đồng ý cho ông M vay và giao cho ông M số tiền mặt là 270.000.000đ; bà Vân A có chuyển khoản cho ông M số tiền 430.000.000đ. Ông M hẹn vay 20 ngày thì trả. Khi vay tiền ông M có đưa cho vợ chồng ông, bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin; lãi suất thỏa thuận khoảng từ 1.000đ đến 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến ngày 08/8/2022 bà H có nhắn tin qua M1 báo ông M đã chuyển tiền rồi, sáng mai bà H xuống. Hôm sau là ngày 09/8/2022 bà H xuống nhà trả tiền hộ ông M là 700.000.000đ cho vợ chồng ông, bà và một ít tiền lãi, do thời gian lâu nên vợ chồng ông, bà không nhớ bà H chuyển khoản hay trả tiền mặt, cũng không nhớ cụ thể số tiền lãi là bao nhiêu. Sau khi bà H trả tiền, vợ chồng ông, bà đã đưa lại giấy vay tiền của ông M và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M cho bà H mang về trả cho ông M. Nên việc ông M trình bày xuống nhà trả cho vợ chồng ông, bà số tiền là 700.000.000đ và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để về là không đúng. Trong vụ án này vợ chồng ông, bà không còn liên quan gì đến ông M nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 12/2025/DS - ST ngày 20/02/2025; Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M.

Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả cho vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 900.000.000đ và số tiền lãi 264.120.000đ. Cộng chung là 1.164.120.000đ.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền lãi đã trả dư là 366.778.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 04/3/2025 ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận số tiền ông đã thanh toán cho vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H nhiều hơn số tiền ông đã vay và buộc nguyên đơn phải trả lại cho ông số tiền đã trả dư.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Văn M và người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Đoàn Lâm H1 và vợ chồng Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: ông Nguyễn Văn M đồng ý trả cho vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: do tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông nguyễn Văn M; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M, ông Đoàn Lâm H1, người đại diện theo ủy quyền của ông M, thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Nguyễn Văn M đồng ý trả cho vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000đ.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; do vắng mặt vợ chồng ông T1, bà Vân A nên cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn M; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; vợ chồng ông T, bà H được nhận lại số tiền 31.923.600đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004564 ngày 25/3/2024 và số 0005125 ngày 09/01/2025 đều của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 15.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 29.051.670đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án thu số 0005124 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Ông M được nhận lại 14.051.670đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; ông M được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005250 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Ttr, Ktr & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch